

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu Lan;
2. Ông Trần Như Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Hồng Điệp- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 12-5-2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-7-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05-8-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T; sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, tỉnh Lào Cai (Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái cũ) có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Quang N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, tỉnh Lào Cai (Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái cũ); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2025 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Chị và anh Lò Quang N trước khi kết hôn có tình cảm và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về Thôn S, xã Đ, tỉnh Lào Cai (Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái cũ) sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Chị T và anh N đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lò Quang N.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung, Lò Kim A, sinh ngày 17/3/2008 và Lò Châu L, sinh ngày 25/02/2015. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã nhiều lần báo gọi, gửi thông báo phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Lò Quang N nhưng anh N không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh N vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn S, xã Đ, tỉnh Lào Cai. Hiện nay anh N không cất khẩu hoặc chuyển khẩu đi đâu. Qua xác minh tại trưởng thôn S, xã Đ: Chị Hà Thị T và anh Lò Quang N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Lai Châu ngày 09 tháng 6 năm 2008. Quá trình chung sống tại thôn S, xã Đ chị T và anh N có xảy ra xô xát, cãi cọ, có những lần thôn phải đứng ra hòa giải. Anh N thường vắng mặt tại gia đình. Nay chị T xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung, Lò Kim A, sinh ngày 17/3/2008 và Lò Châu L, sinh ngày 25/02/2015; Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N có hay không trưởng thôn không rõ.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T; Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Lò Quang N; về con chung: Giao con chung Lò Kim A, sinh ngày 17/3/2008 và Lò Châu L, sinh ngày 25/02/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Lò Quang N có hộ khẩu thường trú tại Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn S, xã Đ, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3

– Lào Cai. Anh Lò Quang N là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Lò Quang N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Lò Quang N trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị T và anh N tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để làm việc nên Tòa án không hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì anh N và chị T quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, thôn cũng đã hòa giải cho chị T và anh N. Anh N thường vắng mặt tại gia đình, địa phương. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, điều đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung, Lò Kim A, sinh ngày 17/3/2008 và Lò Châu L, sinh ngày 25/02/2015. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu A và cháu L hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng được ở với chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là cháu A và cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Lò Quang N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Lò Quang N.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Kim A, sinh ngày 17/3/2008 và Lò Châu L, sinh ngày 25/02/2015 cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A, cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lò Quang N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2024/0002228 ngày 12-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lào Cai). Xác nhận chị Hà Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Quang N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3- Lào Cai;
- Thi hành án tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Đ;
- UBND xã T, Lai Châu
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

